UNIT 8:

FILMS

GETTING STARTED

- romantic comedy	(n): phim hài lãng mạn
- science fiction film(sci-fi)	(n):phim KH viễn tưởng
- documentary (film)	(n): phim tài liệu
- animation (movie)	(n) : phim hoạt họa
- action movie (film)	(n): phim hành động
- spy	(n) : điệp viên, gián điệp
- professor	(n): giáo sư, giảng viên
- critic	(n): nhà phê bình
- film star	(n): ngôi sao điện ảnh
- murder	(n): vụ án mạng
- feature	(v) : chiếu phim
- stunt	(n) : trò nguy hiểm
- thriller	(n): phim li kì

LIVEWORKSHEETS